

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2022

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Dung và ông Thái Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Lã Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 14-4-2022 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07-6-2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2022/QĐST - HNGĐ ngày 24-6-2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tổ 41A, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1978.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: Tổ 41A, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10-4-2022 và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn, chị Lương Thị T đều trình bày:

Tôi (Lương Thị T) kết hôn tự nguyện với anh Nguyễn H vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại tổ 41, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 7 năm 2012, anh H bỏ nhà đi không có tin tức gì. Tháng 02 năm 2017, tôi có làm đơn gửi Tòa án yêu cầu tuyên bố anh Nguyễn H mất tích. Ngày 14-9-2017, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí ra quyết

định số 09/2017/QĐDS - ST về việc tuyên bố một người mất tích: tuyên bố anh Nguyễn H, sinh năm 1978, nơi cư trú cuối cùng trước khi biệt tích tổ 41, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh mất tích. Đến thời điểm này tôi cũng không có tin tức gì của anh H. Nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Anh H bỏ đi không chăm sóc vợ con. Tôi đề nghị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 08-12-2002 (cháu đã trưởng thành) và Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 03-01-2010. Quan điểm của tôi khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Việt Đ. Tôi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chúng tôi không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chúng tôi không có vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật cho anh Nguyễn H tuy nhiên anh Nguyễn H vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 05-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - ông Bùi Văn H - Phó trưởng khu 11, phường Quang T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh cung cấp sự việc: Chị Lương Thị T và anh Nguyễn H là công dân cư trú tại tổ 41, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ khoảng năm 2012 cho đến nay không thấy anh H có mặt tại địa phương. Nay, chị T gửi đơn xin ly hôn anh H, ông H đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Tại các biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đối với cháu Nguyễn Việt Đ ngày 04-5-2022, cháu Đ đề nghị nếu chị T và anh H ly hôn thì nguyện vọng của cháu Đ là được ở với mẹ (chị T).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án; xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng các thủ tục tố tụng khác theo quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung, cháu Nguyễn Huy T, sinh năm 2002 đã thành niên nên không giải quyết. Cháu Nguyễn Việt Đ, sinh năm 2010 đang sống cùng chị T và có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy việc giao cháu Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn H và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định. Bị đơn anh Nguyễn H có địa chỉ nơi cư trú cuối cùng tại tổ 41A, khu 11, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (Các văn bản tố tụng đều được tổng đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật). Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị T và anh Nguyễn H từ năm 2002 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. HĐXX xét thấy để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, anh H đi khỏi địa phương đã lâu, chị T và anh H sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay và đã có quyết định tuyên bố anh H mất tích của Tòa án. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mỗi người sống một nơi. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Chị T và anh H có 02 con chung là Nguyễn Huy T, sinh ngày 08-12-2002 (cháu đã trưởng thành) và Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 03-01-2010. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Việt Đ của chị T thì thấy kể từ năm 2012 đến nay từ khi anh H bỏ đi thì chị T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu Nguyễn Việt Đ - là con chung của anh H, chị T có nguyện vọng ở mẹ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xem xét giao con chung Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 03-01-2010 cho chị T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và khoản vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị T về việc xin ly hôn anh Nguyễn H.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn anh Nguyễn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt Đ, sinh ngày 03-01-2010 cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2022 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006811 ngày 14-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn chị Lương Thị T, bị đơn anh Nguyễn H, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP U;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. U;
- UBND phường Q, TP. U, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH).
- Các đương sự;
- Niêm yết tại trụ sở cơ quan Tòa án; nơi cư trú (trường hợp cần niêm yết theo quy định).
- Lưu hồ sơ, VP/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đồng